TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Cường

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh A, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh L. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp 1A, xã T, huyện B, tỉnh L. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và các lời trình bày trong các Biên bản tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh A trình bày:

Do quen biết, bà Huỳnh A và ông Nguyễn Trọng H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L vào ngày 23/4/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc vài tháng đầu sau đó thì không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, ông H không chăm lo, xây dựng gia đình, không quan tâm, chăm sóc bà A, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Mâu thuẫn giữa

vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhiều lần nhưng không thể giải quyết và vợ chồng bà đã ly thân gần 01 năm nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

Quá trình sống chung bà A và ông H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyêt.

Bà A đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16/7/2019, ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên ông và bà A đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh L năm 2018. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình ba mẹ ông tại ấp 1A, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn sau khi kết hôn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, có nhiều bất dồng trong quan điểm sống. Vợ chồng không thể chung sống nên đã ly thân hơn 06 tháng nay. Trước yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh A thì ông đồng ý. Quá trình sống chung không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông H yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về chấp hành pháp luật*: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Xét thấy bà A yêu cầu ly hôn và ông H cũng đồng ý nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh A với ông Nguyễn Trọng H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh A yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trọng H, căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn*"; thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Bà Huỳnh A và ông Nguyễn Trọng H đều có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bà A và ông H.

[3] Về nội dung:

[4] Về hôn nhân; Hôn nhân giữa bà Huỳnh Avà ông Nguyễn Trọng H là hợp pháp. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cũng xác định là vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân hơn 06 tháng và đồng ý ly hôn với bà A. Xét thấy hai bên tự nguyện ly hôn nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung: bà A và ông H đều xác định hai vợ chồng không có con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh A với ông Nguyễn Trọng H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Anh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005498, ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Bà Huỳnh A đã nộp đủ án phí.

5. Án xét xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản sao Bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh L.
-VKSND huyện B.
-THA huyện B.
-Các đương sự.
-UBND xã T;
-Lưu.